

#SoKyHieuVanBan

#DiaDiemNgayBanHanh

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các tiêu chí văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025

Thực hiện Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Quyết định số 2428/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện các tiêu chí văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 như sau:

I. ĐỐI VỚI TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 6)

1.1. Căn cứ thực hiện, đánh giá

- Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã;

- Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn;

- Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung Điều 6, Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn;

- Thông tư 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên - Môi trường quy định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

- Hướng dẫn số 1064/HD-BVHTTDL ngày 30/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2015-2025, định hướng đến năm 2030.

1.2. Hướng dẫn thực hiện

1.2.1. Nội dung tiêu chí

Xã được công nhận đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa khi đáp ứng đủ 03 chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu 6.1: Xã có Nhà văn hóa (hoặc hội trường đa năng hoặc nhà làng truyền thống) và sân/khu thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã (gọi chung là Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã).

- Chỉ tiêu 6.2: Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định (Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em).

- Chỉ tiêu 6.3: 100% thôn có Nhà văn hóa (hoặc nhà làng truyền thống đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số) và Khu thể thao thôn phục vụ cộng đồng (một trong các hạng mục: sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông).

1.2.2. Hướng dẫn đánh giá

a) Đối với xã:

- Có quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoặc kiện toàn theo quy định tại Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2015 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 415/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh.

- Có diện tích khu Nhà văn hóa xã: Từ 500m² trở lên đối với xã khu vực đồng bằng, 300m² trở lên đối với xã miền núi thấp và 200m² trở lên đối với xã miền núi cao, hải đảo.

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã có kế hoạch hoạt động được UBND xã phê duyệt (trong quý I); các quyết định thành lập các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao (tối thiểu 03 câu lạc bộ đối với khu vực miền núi và 05 câu lạc bộ đối với khu vực đồng bằng); báo cáo kết quả hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi trẻ em, học tập cộng đồng hằng năm.

Cụ thể, căn cứ Khoản 6, Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã bao gồm:

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
		Khu vực 1	Khu vực 2
Hoạt động văn hóa văn nghệ	Tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị	Tối thiểu 04 cuộc/năm	Tối thiểu 12 cuộc/năm
	Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng	Tối thiểu 02 cuộc/năm	Tối thiểu 04 cuộc/năm
	Duy trì hoạt động thường xuyên các câu lạc bộ	03 CLB trở lên	05 CLB trở lên
	Thư viện, phòng đọc sách báo	Có hoạt động	
	Hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc	Có hoạt động	
	Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa	Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân	Tối thiểu 30% trở lên/tổng số dân
Hoạt động thể dục thể thao	Thi đấu thể thao	04 cuộc/năm	06 cuộc/năm
	Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên	Tối thiểu 20% trở lên/tổng số dân	Tối thiểu 25% trở lên/tổng số dân
Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em	Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao	Đạt 20% thời gian hoạt động	Đạt 30% thời gian hoạt động
Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ	Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ cho Nhà văn hóa, khu thể thao thôn hiện có	100% Nhà văn hóa, KTT thôn được chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ	
	Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT huyện tổ chức	Đạt	

- Nhà văn hóa xã (*bao gồm sân khấu trong hội trường*):

+ Đối với xã khu vực 1: Đảm bảo tối thiểu 100 chỗ ngồi và có ít nhất 01 phòng chức năng; có đầy đủ bàn ghế ngồi, trang trí khánh tiết, hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ; có trồng hoa, cây xanh, nhà vệ sinh và tường rào công nghệ (*nếu nhà văn hóa xã không nằm trong khuôn viên UBND xã*).

+ Đối với xã khu vực 2: Các xã thuộc các huyện Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn đảo bảo đảm tối thiểu 150 chỗ ngồi và có ít nhất 01 phòng chức năng (nhưng đảm bảo hoạt động của 03 mảng *Hành chính - Tổng hợp; đọc sách báo - thư viện và Thông tin - Truyền thanh*); các xã thuộc huyện/thị xã/thành phố còn lại đảm bảo tối thiểu 200 chỗ ngồi và ít nhất 3 phòng chức năng (*Phòng Hành chính - Tổng hợp; Phòng đọc sách báo - thư viện và Phòng Thông tin - Truyền thanh*); có đầy đủ bàn ghế ngồi, trang trí khánh tiết, hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ; có trồng hoa,

cây xanh, nhà vệ sinh và tường rào công ngõ (*nếu nhà văn hóa xã không nằm trong khuôn viên UBND xã*).

- Sân/khu thể thao xã: Có chiều dài tối thiểu 90 mét, chiều rộng tối thiểu 45 mét (*không kể khán đài, chỗ ngồi của khán giả và các hạng mục khác*); có trồng cây xanh bóng mát. Đối với các xã khu vực 1, nếu có khó khăn về diện tích thì thực hiện theo đúng diện tích quy hoạch của sân thể thao xã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với thôn:

- Có diện tích khu nhà văn hóa: Từ 300m² trở lên đối với xã thuộc 09 huyện, thị xã, thành phố đồng bằng, 200m² trở lên đối với xã thuộc 03 huyện miền núi thấp (Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn) và 100m² trở lên đối với xã thuộc 06 huyện miền núi cao (Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My và Nam Trà My).

- Nhà văn hóa thôn (*hoặc nhà làng truyền thống đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số*): Thuộc các xã ở các huyện: Nông Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước: Tối thiểu 80 chỗ ngồi; thuộc các xã ở các huyện: Nam Trà My, Phước Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Bắc Trà My: Tối thiểu 50 chỗ ngồi và thuộc các xã ở các huyện, thị xã, thành phố còn lại: Tối thiểu 100 chỗ ngồi; có khu vệ sinh; có trồng hoa, cây xanh. Sân khấu trong hội trường 15m²-30m².

- Có diện tích khu thể thao thôn (*có thể sử dụng để đá bóng hoặc đánh bóng chuyền, cầu lông và các môn thể thao thích hợp khác*): Từ 500m² trở lên đối với xã thuộc 09 huyện, thị xã, thành phố đồng bằng, 300m² trở lên đối với xã thuộc 03 huyện miền núi thấp và 200m² trở lên đối với xã thuộc 06 huyện miền núi cao.

- Trang, thiết bị: Có hệ thống âm thanh, ánh sáng, phong màn, bàn ghế, sách báo, có thiết bị, dụng cụ luyện tập thể dục thể thao bảo đảm theo từng môn thể thao.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn có kế hoạch hoạt động do Trưởng thôn lập và được UBND xã xác nhận (trong quý I); quyết định thành lập các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao (tối thiểu 01 câu lạc bộ); báo cáo kết quả hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi trẻ em hằng năm.

Cụ thể, căn cứ Khoản 6, Điều 6 Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn bao gồm:

Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	
		Khu vực 1	Khu vực 2
Kết quả thu hút	Hoạt động văn hóa, văn nghệ thường xuyên	30% trở lên/tổng số dân	50% trở lên/tổng số dân

nhân dân tham gia hoạt động	Hoạt động thể dục thể thao thường xuyên	15% trở lên/tổng số dân	25% trở lên/tổng số dân
	Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em	20% thời gian hoạt động	30% thời gian hoạt động
	Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao xã tổ chức	Đạt	

c) Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định:

* Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi của xã được bố trí ở khu trung tâm hoặc khu vực đông dân cư, **không bố trí trong khu hành chính của xã/Trụ sở HĐND-UBND xã** (diện tích tùy theo điều kiện cụ thể của từng địa phương nhưng đảm bảo không gian vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi), có trang thiết bị phù hợp với nội dung hoạt động. Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn và hỗ trợ các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

Đối với xã khó khăn về diện tích có thể sử dụng cơ sở vật chất của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (nhà văn hóa xã, khu thể thao xã), nhà văn hoá thôn, khu thể thao thôn để bố trí điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

* Có trang thiết bị tại điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi:

- Một số thiết bị đồ chơi trẻ em thường dùng hiện nay như: Đu quay, thang leo, cầu trượt, xích đu, bập bênh, nhà banh, thú nhún, xà đơn, xà kép, bể bơi, phao bơi, tủ sách thiếu nhi, bàn ghế học vẽ, tô tượng,... và các dụng cụ luyện tập thể dục - thể thao trong nhà, ngoài trời phù hợp với trẻ em.

- Một số dụng cụ thể dục thể thao cho người cao tuổi: Gậy, quạt, cầu lông, cờ tướng, bóng bàn, một số dụng cụ cho Câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh (nếu có)... Đối với các xã có điều kiện có thể trang bị: Máy chạy bộ, máy tập đi bộ, xe đạp thể dục, dụng cụ phục hồi chức năng,...

* Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em. Cụ thể:

- Xây dựng được kế hoạch, triển khai chương trình bơi an toàn, phòng chống tai nạn đuối nước cho trẻ em trên địa bàn xã.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn về chương trình bơi an toàn, cách phòng chống tai nạn đuối nước cho trẻ em đến các thôn trên địa bàn xã.

- Hằng năm cử công chức văn hóa - xã hội cấp xã tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phòng, chống tai nạn đuối nước cho trẻ em do các cấp tổ chức.

- Tại nhà văn hóa xã (tại nhà văn hóa thôn không bắt buộc nhưng khuyến khích) có dán áp phích tuyên truyền về phòng, chống tai nạn đuối nước cho trẻ em (*tham khảo Phụ lục*).

d) Một số nội dung liên quan khi xét đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 6) thực hiện theo Khoản 3, Điều 8, Quy định đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam.

e) Một số lưu ý:

- Đánh giá và minh chứng tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa (tiêu chí số 06) bằng báo cáo chung của xã (*không cần lập Mẫu đánh giá riêng từng tiêu chí như giai đoạn 2017-2021*). Trong hồ sơ Báo cáo chính của UBND xã trình xét công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới có nêu rõ về tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa trên địa bàn theo các nội dung nêu trên (*nghư quy mô, diện tích, chỗ ngồi, phòng chức năng, điểm vui chơi giải trí, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, trang thiết bị, kết quả hoạt động...*). Nếu có những nội dung cần minh chứng cụ thể thì đính kèm theo các Phụ lục (*ví dụ: Quyết định thành lập TTVH-TT xã, Kế hoạch hoạt động của trung tâm VH-TT xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, Quyết định thành lập các câu lạc bộ...*).

- Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thẩm tra mức độ đạt chuẩn và báo cáo kết quả thẩm tra về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo xác nhận bằng văn bản về mức độ đạt chuẩn/hoặc không đạt chuẩn tiêu chí số 6.

2. Tiêu chí văn hóa (tiêu chí số 16)

2.1. Căn cứ thực hiện, đánh giá

- Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”;

- Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang;

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022;

- Hướng dẫn số 1064/HD-BVHTTDL ngày 30/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

- Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025.

2.2. Hướng dẫn thực hiện

2.2.1. Nội dung tiêu chí

Xã được công nhận đạt tiêu chí văn hóa khi tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

- Có ít nhất 70% thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa 3 năm liên tục (*tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn NTM*). Đối với xã có 3 thôn thì ít nhất 2/3 thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa 3 năm liên tục.

- 100% thôn có hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ, được UBND cấp huyện công nhận.

- Có ít nhất 01 thôn được UBND cấp huyện phê duyệt phương án/kế hoạch xây dựng thôn NTM kiểu mẫu (*hoặc phương án/kế hoạch duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu đối với thôn đã đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu/thôn NTM*) và có tổ chức thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đề ra.

2.2.2. Hướng dẫn đánh giá

- Việc đánh giá danh hiệu “Thôn văn hóa” thực hiện theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (*Hiện nay, thực hiện theo Kế hoạch số 25/KH-SVHTTDL ngày 19/3/2019 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ và Công văn số 1164/SVHTTDL ngày 07/9/2021 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về điều chỉnh, bổ sung thang, bảng chấm điểm các danh hiệu văn hóa trong phong trào TĐKXDĐSVH*) và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn khác (nếu có).

Đồng thời tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã không để xảy ra các vụ bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm (*ở mức xử lý hình sự theo quy định của pháp luật*); trên địa bàn xã xây dựng được ít nhất 01 mô hình Phòng chống bạo lực gia đình (*Quyết định của UBND cấp xã thành lập Câu lạc bộ Gia đình phát triển bền vững, trong CLB đó có nhóm phòng, chống bạo lực gia đình*).

2.2.3. Hồ sơ minh chứng tiêu chí văn hóa

- Bản sao các Quyết định công nhận “Thôn văn hóa” của UBND cấp huyện.
- Bản sao các Quyết định công nhận các quy ước, hương ước của UBND cấp huyện (*công nhận từng hương ước hoặc danh mục kèm theo Quyết định của UBND cấp huyện, có các thôn thuộc xã xét công nhận NTM*).
- Bản sao Quyết định của UBND xã về thành lập mô hình/câu lạc bộ về phòng chống bạo lực gia đình.
- Bản sao Quyết định phê duyệt kế hoạch /phương án thực hiện thôn NTM kiểu mẫu giai 2022-2025 của UBND cấp huyện.

2.2.4. Hồ sơ xác nhận đạt chuẩn tiêu chí văn hóa

- Trong hồ sơ Báo cáo chính của UBND xã trình xét công nhận đạt chuẩn xã NTM có nêu rõ về tiêu chí văn hóa trên địa bàn (*như số thôn đạt văn hóa 3 năm liên tục/tổng số thôn, nêu rõ số, ngày, tháng quyết định công nhận; số thôn đã có quy ước, hương ước được UBND cấp huyện công nhận, nêu rõ số quyết định công nhận; ít nhất 01 thôn có phương án/kế hoạch thôn NTM kiểu mẫu được UBND cấp huyện phê duyệt, nêu rõ quyết định phê duyệt; tại năm đánh giá trên địa bàn xã không có bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm (ở mức xử lý hình sự theo quy định của pháp luật); nêu rõ tên mô hình Phòng chống bạo lực gia đình ở thôn nào, ngày tháng quyết định thành lập...*).

- Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thẩm tra mức độ đạt chuẩn và báo cáo kết quả thẩm tra về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo xác nhận bằng văn bản về mức độ đạt chuẩn/hoặc không đạt chuẩn tiêu chí văn hóa (tiêu chí số 16).

3. Chỉ tiêu 13.1, tiêu chí số 13 (áp dụng đối với xã có Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực du lịch)

3.1. Căn cứ thực hiện, đánh giá

- Luật Hợp tác xã năm 2012;
- Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã;
- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;
- Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định đánh giá, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025.

3.2. Hướng dẫn thực hiện

3.2.1. Nội dung tiêu chí

Chỉ tiêu 13.1: Xã có hợp tác xã (HTX) hoạt động hiệu quả và đúng quy định của Luật Hợp tác xã.

3.2.2. Hướng dẫn đánh giá

Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và đúng quy định của Luật Hợp tác xã (*chỉ tiêu 13.1*), khi đảm bảo đạt các yêu cầu sau:

- Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành.
- Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã và người dân trên địa bàn xã.
- Được đánh giá, xếp loại đạt loại khá trở lên (*hoặc loại trung bình trở lên đối với hợp tác xã thành lập dưới 03 năm*) theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã (*đánh giá HTX: a) Tốt: Tổng điểm đánh*

giá đạt từ 80 điểm đến 100 điểm; b) Khá: Tổng điểm đánh giá đạt từ 65 điểm đến dưới 80 điểm; c) Trung bình: Tổng điểm đánh giá đạt từ 50 điểm đến dưới 65 điểm; d) Yếu: Tổng điểm đánh giá đạt dưới 50 điểm).

3.3. Hồ sơ minh chứng chỉ tiêu 13.1

Bảng đánh giá HTX theo Phụ lục 02 quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã có chữ ký của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và được Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện xác nhận.

3.4. Hồ sơ xác nhận đạt chuẩn chỉ tiêu 13.1, tiêu chí tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (tiêu chí số 13)

- Trong hồ sơ Báo cáo chính của UBND xã trình xét công nhận đạt chuẩn xã NTM có nêu rõ kết quả thực hiện chỉ tiêu 13.1 của tiêu chí tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (*số lượng HTX, dịch vụ chính của HTX, số điểm đánh giá của HTX*).

- Đối với xã có HTX du lịch chọn lập hồ sơ xét đạt chuẩn thì Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện có trách nhiệm thẩm tra mức độ đạt chuẩn, thông tin kết quả thẩm tra cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm kiểm tra, báo cáo xác nhận bằng văn bản về mức độ đạt chuẩn/hoặc không đạt chuẩn tiêu chí số 13.1 đối với các loại hình HTX hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

II. ĐỐI VỚI TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2022-2025

1. Căn cứ thực hiện tiêu chí

- Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã (Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL);

- Thông tư số 06/2010/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn (Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL);

- Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/4/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TTBVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TTBVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn (Thông tư số 05/2014/TTBVHTTDL);

- Luật Thư viện năm 2019;

- Luật Di sản văn hóa (năm 2001) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (năm 2009);

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (Nghị định số 98/2010/NĐ-CP);

- Nghị định số 109/2017/NĐ-CP ngày 21/9/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ và quản lý Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam (Nghị định số 109/2017/NĐ-CP);

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (Nghị định số 166/2018/NĐ-CP);

- Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL ngày 30/6/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (Thông tư số 04/2010/TT-BVHTTDL);

- Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/7/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về nội dung hồ sơ khoa học để xếp hạng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh (Thông tư số 09/2011/TT-BVHTTDL);

- Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL);

- Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”;

- Hướng dẫn số 1064/HD-BVHTTDL ngày 30/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Nội dung tiêu chí

- Tiêu chí số 6 về văn hóa gồm 03 chỉ tiêu:

+ Chỉ tiêu 6.1: Có lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời (ít nhất 03 dụng cụ/điểm) ở điểm công cộng; các loại hình văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.

+ Chỉ tiêu 6.2: Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

+ Chỉ tiêu 6.3: Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chỉ tiêu 13.7 (tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn): Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

3. Hướng dẫn thực hiện

3.1. Tiêu chí số 6 về văn hóa

- Chỉ tiêu 6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể thao ngoài trời (ít nhất 03 dụng cụ/điểm) ở điểm công cộng; các loại hình văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên; đạt đủ các chỉ tiêu:

+ Có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn:

Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã được đầu tư xây dựng riêng biệt bên ngoài khu hành chính của xã, đảm bảo mọi người dân trong vùng đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận. Quy mô xây dựng, trang thiết bị, và kinh phí hoạt động theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL.

Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn được tu bổ, tôn tạo, xây mới đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa văn nghệ, thể dục-thể thao của cộng đồng dân cư.

+ Có ít nhất 50% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời đối với các xã Khu vực 1. Đối với các xã thuộc các huyện: Tiên Phước, Nông Sơn, Hiệp Đức (trừ xã ĐBK): Có 60% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; các xã thuộc huyện/thị xã/thành phố còn lại: Có 70% các điểm công cộng trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời.

+ Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên theo đúng quy định: Xây dựng được các mô hình hoạt động của các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao tại Nhà văn hóa thôn và tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đảm bảo thu hút tỷ lệ người dân tham gia thường xuyên (đảm bảo theo quy định theo Khoản 6, 7, 8 tại Điều 6, Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL và theo Khoản 6 tại Điều 6, Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL).

+ Có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho Nhân dân (hoạt động thư viện):

Có các hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin (*căn cứ Khoản 3, Điều 3, Luật Thư viện năm 2019, “tài nguyên thông tin” là tập hợp các loại hình tài liệu, dữ liệu gồm tài liệu in, tài liệu viết tay, tài liệu nghe, nhìn, tài liệu số, tài liệu vi dạng gồm vi phim, vi phiếu, tài liệu đặc biệt cho người khuyết tật và tài liệu, dữ liệu khác*) cho Nhân dân trên địa bàn đạt tối thiểu từ 500 lượt/năm trở lên đối với các xã Khu vực 1; đạt tối thiểu 1.500 lượt/năm trở lên đối với các xã thuộc các huyện: Tiên Phước, Nông Sơn, Hiệp Đức (trừ xã ĐBK); đạt tối thiểu 3.000 lượt/năm trở lên đối với các xã Khu vực 2.

- Chỉ tiêu 6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định; đạt đủ các chỉ tiêu:

+ 100% di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn (nếu có) được quản lý, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo kịp thời và phát huy giá trị, gắn với phát triển du lịch ở địa phương; có kế hoạch quản lý, bảo vệ, tu bổ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tuyên truyền, giới thiệu quảng bá về di sản văn hóa của địa phương trên trang Website và các hình thức truyền thông khác; bố trí kinh phí và huy động các nguồn lực xã hội hóa cho công tác quản lý, bảo vệ, tu bổ, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn.

+ Di sản văn hóa phi vật thể (nếu có) ở địa phương được kiểm kê và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia theo quy định; chú trọng công tác bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương.

+ Tại thời điểm xét công nhận nông thôn mới nâng cao, trên địa bàn xã không để xảy ra các hoạt động khiếu nại, khiếu kiện về di tích, danh thắng; không vi phạm trong hoạt động tu bổ, tôn tạo di tích; bảo vệ, phát huy giá trị di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa và các quy định pháp luật có liên quan.

- Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ thôn, bản đạt chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới; đạt đủ các chỉ tiêu:

+ Có ít nhất 70% thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa 03 năm liên tục trở lên (tại thời điểm xét công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao).

+ Có 15% thôn văn hóa tiêu biểu 05 năm liên tục trở lên/tổng số thôn của xã được UBND cấp huyện tặng Giấy khen theo quy định; 10% Gia đình văn hóa tiêu biểu 03 năm liên tục trở lên/tổng số hộ gia đình văn hóa được UBND xã tặng Giấy khen Gia đình văn hóa trong các đợt sơ kết, tổng kết chuyên đề (hoặc lồng ghép sơ kết, tổng kết) ở địa phương.

+ Có ít nhất 50% số thôn được UBND cấp huyện phê duyệt phương án/kế hoạch xây dựng thôn NTM kiểu mẫu (*hoặc phương án/kế hoạch duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu đối với thôn đã đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu/thôn NTM*) và có tổ chức thực hiện theo kế hoạch, tiến độ đề ra.

Trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận các danh hiệu thực hiện theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

3.2. Chỉ tiêu 13.7 (tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn)

Địa phương có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (áp dụng đánh giá đối với xã có khu, điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận); cụ thể:

- Xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Website riêng quảng bá du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.

- Thông tin về các khu, điểm du lịch của xã được thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử của xã, chuyên mục du lịch hoặc website du lịch của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội.

4. Hồ sơ minh chứng

- Quyết định công nhận thôn đạt chuẩn văn hóa; Quyết định tặng Giấy khen thôn văn hóa; Quyết định tặng Giấy khen gia đình văn hóa.

- Quyết định phê duyệt phương án/kế hoạch xây dựng thôn NTM kiểu mẫu (hoặc phương án/kế hoạch duy trì, nâng chuẩn theo Bộ tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu đối với thôn đã đạt chuẩn khu dân cư NTM kiểu mẫu/thôn NTM) và báo cáo tiến độ thực hiện theo phương án/kế hoạch đề ra.

- Hồ sơ khoa học, hồ sơ pháp lý, báo cáo về công tác bảo tồn, phát huy di sản.

- Bản in (photo) chuyên mục du lịch của xã trên trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện, của xã hoặc fanpage du lịch của xã trên mạng xã hội (nếu có).

Lưu ý: Trong trường hợp các văn bản làm căn cứ thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao nêu trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản mới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình

Chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị liên quan tập huấn, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; tổng hợp, đề xuất, kiến nghị những vấn đề phát sinh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ và kết quả thực hiện. Định kỳ tham mưu Sở báo cáo kết quả và đề xuất UBND tỉnh các giải pháp, bảo đảm thực hiện các tiêu chí văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2022-2025 thực hiện trên địa bàn tỉnh đạt chất lượng, hiệu quả.

2. Các phòng, đơn vị: Quản lý Thể dục thể thao, Quản lý Du lịch, Quản lý Văn hóa, Trung tâm Văn hóa, Thư viện tỉnh

Phối hợp Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; đề xuất, kiến nghị những vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực theo dõi, phụ trách.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố

Chủ trì tham mưu triển khai thực hiện; đề xuất, kiến nghị những vấn đề phát sinh; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các xã trên địa bàn thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Phòng theo dõi, phụ trách.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện thực hiện các tiêu chí văn hóa thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các địa phương phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (*qua Phòng Xây dựng nếp sống văn hóa và Gia đình*) để kịp thời điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (để biết);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở: QLVH, QL DL, XDNSVH, QLTDĐT, VP, TTVH, Thư viện;
- Phòng VH&TT các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VP, XDNSVH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phụ lục

NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG ĐUỐI NƯỚC CHO TRẺ EM

- Cần cảnh báo trẻ không được tắm ở những nơi tiềm ẩn nguy cơ đuối nước như biển, sông, suối, ao, hồ, những vùng nước sâu, vùng nước chảy xiết.

- Tuyệt đối không đi tắm, bơi ngoài biển, sông, suối, ao, hồ một mình mà không có người lớn biết bơi đi kèm. Khi đi bơi phải có áo phao.

- Không chơi, đùa nghịch quanh ao, hồ nước, sông, suối, hồ sâu, hồ vôi đang tôi để tránh bị ngã, rơi xuống hồ.

- Nhà ở gần vùng sông nước, ao hồ cần làm cửa chắn và hàng rào quanh nhà.

- Tránh cho trẻ chơi gần các công trình đang thi công, các hố, bờ đê, bờ kè bị sụt lún, sạt lở. Các công trình đang thi công, bờ đê, bờ kè bị sụt lún, sạt lở cần lắp đặt rào chắn, biển cảnh báo.

- Nên nhắc cha mẹ lấp kín các hố, rãnh nước sau khi sử dụng; làm nắp đậy chắc chắn, an toàn cho hồ cá, giếng, bể nước, chum vại, chậu nước và thùng nước.

- Cần phải có biển báo những chỗ nước sâu, nguy hiểm và nhắc nhở trẻ em tuân theo các lời chỉ dẫn, nhất là trong mùa mưa lũ. Nên có người lớn đưa đi học trong mùa mưa lũ, đặc biệt khi đi qua sông, suối.

- Khi đi tắm biển hay sông, suối, ao, hồ, người biết bơi hay không biết bơi cũng chỉ nên tắm gần bờ, đặc biệt là ở biển. Luôn ở cạnh trẻ và theo dõi sát khi trẻ tắm hoặc chơi ở chỗ có nước.

- Khi phát hiện thấy người bị ngã xuống nước, cần hô hoán, kêu gọi mọi người đến ứng cứu, giúp đỡ ngay từ khi nhìn thấy nạn nhân. Đồng thời, cần nhanh chóng tìm bất kỳ vật dụng nào để có thể cứu gián tiếp như: cây sào, phao, áo, quần, dây nịt... Hãy cho những người bị đuối nước bám vào các vật dụng này để người trên bờ kéo dần vào. Tuyệt đối không được nhảy theo cứu nạn nhân nếu mình không biết bơi và không biết cách cứu đuối vì bản thân mình cũng có thể bị đuối nước. Đồng thời tiến hành hô hấp nhân tạo.

- Cần trang bị đầy đủ các biển báo, dụng cụ cứu hộ như: Cây sào, gậy dài, phao cứu sinh, áo phao, dây, vật nổi... tại những nơi tiềm ẩn nguy cơ đuối nước như biển, sông... để ứng cứu kịp thời khi có trường hợp đuối nước xảy ra.

- Chấp hành tốt các quy định về an toàn khi tham gia các phương tiện giao thông đường thủy như mặc áo phao, thắt dây an toàn (nếu có).

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và các Trường học cần có kế hoạch tuyên truyền, dạy cho trẻ kỹ năng bơi lội và cách phòng, chống đuối nước.

Ngoài ra, địa phương có thể bổ sung các nội dung phù hợp với xã mình.